

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6108 /UBND-NC

Bình Dương, ngày 26 tháng 11 năm 2021

V/v kê khai tài sản thu  
nhập bổ sung và kê  
khai hằng năm.

Kính gửi:

- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội - Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo các Doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh.

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Kế hoạch số 982/KH-UBND ngày 12/3/2021 Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập bổ sung và kê khai hằng năm như sau:

**1. Kê khai bổ sung và kê khai hằng năm**

**a) Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập bổ sung**

Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng (trừ trường hợp đã kê khai theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, tức là những người thuộc diện kê khai hằng năm).

**b) Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hằng năm**

Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hằng năm theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng và Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ, bao gồm:

- Người giữ chức vụ từ Giám đốc Sở và tương đương trở lên.
- Người đang giữ vị trí công tác quy định tại Khoản 1, 3 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh) có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, bao gồm:



+ Người có nghĩa vụ kê khai đang giữ ngạch công chức và chức danh là kế toán viên, thanh tra viên theo quy định tại khoản 1, Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

+ Những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực được xác định trong danh mục tại Phụ lục III được ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

- Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (quy định tại Khoản 3, Điều 10 Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ).

## **2. Thực hiện kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập bổ sung và hằng năm**

**a. Việc lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập bổ sung và kê khai hằng năm** (sau đây gọi tắt là người có nghĩa vụ kê khai):

- Giám đốc Sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương và gửi về Thanh tra tỉnh - Cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập tại địa phương **trước ngày 10/12/2021**.

- Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai nộp về Cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập có thẩm quyền theo quy định điểm a, khoản 1, Điều 37 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, gồm:

+ Danh sách người giữ chức vụ từ Giám đốc Sở và tương đương (*tương đương tính theo hệ số phụ cấp 0,9*) trở lên công tác tại chính quyền địa phương theo quy định tại Khoản 1, Điều 30 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 gửi về Thanh tra Chính phủ **trước ngày 10/12/2021**.

+ Danh sách người Đại diện phần vốn góp Nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi về Thanh tra tỉnh **trước ngày 10/12/2021**.

**b. Thực hiện kê khai, tiếp nhận, quản lý Bản kê khai tài sản, thu nhập bổ sung, hằng năm và công khai Bản kê khai tài sản thu nhập**

- Cơ quan quản lý người có nghĩa vụ kê khai, tổ chức kê khai tài sản, thu nhập bổ sung và kê khai hằng năm **hoàn thành trước ngày 31/12/2021** đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

- Người có nghĩa vụ kê khai lập 02 Bản kê khai theo Mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập bổ sung và hằng năm thực hiện tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

- Việc tiếp nhận, quản lý Bản kê khai tài sản thu nhập được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 38 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 11 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.



- Việc công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập được thực hiện theo quy định tại Điều 39 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 11 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

### 3. Việc bàn giao Bản kê khai tài sản thu nhập

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương quản lý người có nghĩa vụ kê khai bàn giao 01 Bản Kê khai tài sản, thu nhập về Thanh tra tỉnh - Cơ quan quản lý tài sản thu nhập địa phương theo quy định tại khoản 2, Điều 38 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Hướng dẫn tại Công văn số 279/UBND-NC ngày 21/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời gian hoàn thành **chậm nhất đến ngày 20/01/2022**.

- Riêng đối tượng kê khai là Giám đốc các Sở, ngành và tương đương trở lên theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; các cơ quan, tổ chức, đơn vị nộp về Thanh tra tỉnh **chậm nhất đến ngày 15/01/2021** để Thanh tra tỉnh tổng hợp gửi về Cục Phòng, chống tham nhũng (Cục IV) - Thanh tra Chính phủ theo quy định.

### 4. Thực hiện báo cáo kết quả triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập

Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập và gửi về Thanh tra tỉnh **trước ngày 15/01/2022** (theo Đề cương báo cáo đính kèm) để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thanh tra Chính phủ theo quy định.

Giao Thanh tra tỉnh hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện theo đúng tiến độ và đảm bảo yêu cầu quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan đơn vị, địa phương có ý kiến phản ánh về Thanh tra tỉnh để cùng phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận: *et*

- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như trên;
- LĐVP, Hg, TH;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**  
**Võ Văn Minh**

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**  
(Kèm theo Công văn số 6108 /UBND-NC ngày 26 /11/2021  
của Chủ tịch UBND tỉnh)



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số:...../.....

Binh Duong, ngày tháng năm 2021

**BÁO CÁO**

**Kết quả triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập.**

**1. Việc chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập**

- Công tác truyền thông, quán triệt các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập;
- Các văn bản chỉ đạo, đơn đốc, triển khai thực hiện đã ban hành.

**2. Kết quả thực hiện**

- Kết quả kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập

TT	NỘI DUNG	ĐV	SỐ LIỆU
<b>I</b>	<b>Kê khai tài sản, thu nhập</b>		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa tổng hợp kết quả trong báo cáo này	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
3	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập: - Kê khai hằng năm: - Kê khai bổ sung: - Kê khai lần đầu (theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 36 Luật PCTN 2018) - Kê khai phục vụ công tác cán bộ (theo quy định tại Điểm a, Khoản , Điều 36 Luật PCTN 2018)	Người	
4	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập: - Kê khai hằng năm: - Kê khai bổ sung: - Kê khai lần đầu (theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 36 Luật PCTN 2018)	Người	

	Kê khai phục vụ công tác cán bộ (theo quy định tại Điểm a, Khoản , Điều 36 Luật PCTN 2018)		
<b>II</b>	<b>Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập</b>		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa tổng hợp kết quả trong báo cáo này	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
3	Số bản kê khai đã được công khai	Bản KK	
	Tỷ lệ ....% so với tổng số bản kê khai	%	
4	Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết	Bản KK	
	Tỷ lệ ....% so với tổng số bản kê khai	%	
5	Số bản kê khai đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp	Bản KK	
	Tỷ lệ ...% so với bản kê khai đã công khai	%	

- Kết quả khác (nếu có).

### 3. Đánh giá chung và kiến nghị

- Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện; giải pháp đề chủ động hoặc đề xuất giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc.
- Những nội dung quy định cần hướng dẫn cụ thể hơn.
- Các kiến nghị khác./.

Nơi nhận:

**Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị**

Tên đơn vị.....



**SỔ TIẾP NHẬN/ BÀN GIAO BẢNG KÊ KHAI TÀI SẢN THU NHẬP  
NĂM.....**

STT	Người giao/Đơn vị giao	Hình thức Bảng kê khai	Số bảng kê khai	Số tờ	Ngày/ Ký giao	Người nhận/ Đơn vị tiếp nhận	Ngày/ Ký nhận	Ghi chú